CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102111132
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.12.06 17:19:51+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Hà Nội, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC 2
CHƯƠNG I: 3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1: Mục đích và phạm vi điều chỉnh 3
Điều 2: Giải thích thuật ngữ 3
Điều 3: Tài liệu tham chiếu 3
Điều 6: Người được uỷ quyền công bố thông tin 7
Điều 7: Phương tiện và hình thức công bố thông tin 7
Điều 8: Tạm hoãn công bố thông tin 7
Điều 9: Xử lý khi nội dung công bố thông tin sai sót 8
Điều 10: Xử lý vi phạm về công bố thông tin 8
Điều 11: Bảo quản và lưu giữ thông tin 8
CHƯƠNG II 8
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN 8
Điều 12: Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty 8
Điều 13: Diễn giải Quy trình 9
CHƯƠNG III 10
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 10
Điều 14: Hiệu lực thi hành 10
Điều 15: Sửa đổi, bổ sung Quy chế 10

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số 22/2024/QĐ-HĐQT ngày 06/12/2024)

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận chức năng trong việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. ***Công ty:*** là Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest.
2. ***Công bố thông tin/CBTT:*** Là việc công bố thông tin, gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán" hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khác.
3. ***HĐQT:*** Là Hội đồng quản trị
4. ***UBCKNN:*** là Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.
5. ***SGDCK:*** là Sở Giao dịch chứng khoán.
6. ***HNX, HOSE, VNX:*** Tương ứng là Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Các từ ngữ này được sử dụng trong từng thời điểm phù hợp với quy định về quản lý của Nhà nước.
7. ***VSDC:*** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
8. ***UBGSTCQG:*** Là Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
9. ***CIMS:*** Là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGDCK Hà Nội.
10. ***ECM:*** Là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGDCK TP Hồ Chí Minh.
11. ***SCMS:*** Là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của UBCKNN.
12. **FMSIS:** Là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của UBGSTCQG.
13. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.

Điều 3: Tài liệu tham chiếu

- ***Luật Chứng khoán:*** Có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- ***Luật Doanh nghiệp:*** Có nghĩa là Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

- ***Luật Phòng, Chống rửa tiền:*** Là Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15/11/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
- ***Nghị định 82/2007:*** Là Nghị định 82/2007/NĐ-CP quy định cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia;
- ***Nghị định 155/2020***: Là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- **Nghị định 153/2020**: Là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- ***Nghị định số 65/2022/NĐ-CP:*** Là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- ***Thông tư 51/2021/TT-BTC:*** Là Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của Tổ chức, Cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- ***Thông tư 197/2015/TT-BTC:*** Là Thông tư số Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
- ***Thông tư 30/2019/TT-BTC***: Là Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/05/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương;
- ***Thông tư 91/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và các biện pháp xử lý với các tổ chức kinh doanh chứng khoán khi không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- ***Thông tư 95/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán;
- ***Thông tư 96/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- ***Thông tư 118/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- ***Thông tư 121/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- ***Thông tư 122/2020/TT-BTC***: Là Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- ***Thông tư số 95/2020/TT-BTC:*** Là Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

- ***Thông tư số 91/2020/TT-BTC:*** Là Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- ***Thông tư số 210/2014/TT-BTC:*** Là Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán;
- ***Quyết định 19/QĐ-HĐTV:*** Là Quyết định số 19/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế thành viên lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- ***Quyết định 105/2013/QĐ-UBCK:*** Là Quyết định 105/2013/QĐ-UBCK ngày 26/2/2013 về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán;
- ***Quyết định 525/QĐ-SGDHN:*** Là Quyết định số 525/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội Quy định về Hạ tầng Công nghệ thông tin kết nối đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- ***Quyết định 606/QĐ-SGDHN:*** Là Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tai Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- ***Quyết định 04/2013/QĐ-SGDHCM***: Là Quyết định số 04/2013/QĐ-SGDHCM ngày 20/05/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- ***Quyết định 430/QĐ - SGDHN:*** Là Quyết định số 430/QĐ -SGDHN ngày 03/07/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;Quy
- ***Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM:*** Là Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM ngày 30/06/2021 ban hành quy chế thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh;
- ***Quyết định 14/QĐ-SGDVN***: Là Quyết định số 14/QĐ-SGDVN ngày 19/10/2021 về việc ban hành quy chế vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành;
- ***Quyết định 21/QĐ-SGDVN***: là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.
- ***Quyết định 01/QĐ-SGDVN:*** Là Quyết định số 01/QĐ-SGDVN ngày 20/01/2022 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- ***Quyết định số 87/QĐ-UBCK:*** Là Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- ***Công văn 60/UBGSTCQG-TTTTGS***: Là Công văn số 60/UBGSTCQG-TTTTGS ngày 19/04/2021 về việc cung cấp báo cáo cho Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- ***Công văn số 6226/NHNN-TTGSNN:*** Là Công văn số 6226/NHNN-TTGSNN ngày 07/08/2017 hướng dẫn thực hiện FATCA.
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Lưu ý: Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản mới hủy bỏ, thay thế hoặc sửa đổi/bổ sung nội dung văn bản tham chiếu tại Điều này khi đó việc áp dụng quy trình này sẽ căn cứ vào các văn bản mới có hiệu lực đó.

Điều 4: Trách nhiệm của các Đơn vị có liên quan

4.1. Trách nhiệm của các Phòng/Ban nghiệp vụ

- Thường xuyên cập nhật các trường hợp cần báo cáo, công bố thông tin và thời hạn công bố các thông tin liên quan đến nghiệp vụ phụ trách.
- Chịu trách nhiệm về các trường hợp cần báo cáo, công bố thông tin thuộc nghiệp vụ của Phòng/Ban mình phụ trách và xin ý kiến tư vấn Phòng Pháp chế đúng thời hạn theo quy định.
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu kèm theo sự kiện cần báo cáo, công bố thông tin.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của thông tin và cung cấp thông tin, giải trình theo yêu cầu của Phòng Pháp chế hoặc bộ phận thực hiện CBTT được phân công nhiệm vụ từng thời kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.2. Trách nhiệm của Phòng Pháp chế/Bộ phận thực hiện CBTT

- Tư vấn các trường hợp CBTT;
- Giám sát việc thực hiện đúng quy trình CBTT;
- Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của văn bản CBTT và các tài liệu kèm theo; thực hiện CBTT trên website Công ty, đến các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu các Phòng/Ban giải trình, bổ sung tài liệu CBTT.

Điều 5: Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo qui định của pháp luật.
2. Việc công bố thông tin do Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền công bố thông tin thực hiện. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố.
3. Trường hợp có bất kỳ người nào công bố thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK).
4. Người không được uỷ quyền không được công bố thông tin thay mặt cho Công ty và cá nhân phải chịu trách nhiệm trước tổn thất do việc công bố thông tin không được uỷ quyền gây ra.
5. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG, VSDC về nội dung thông tin công bố theo quy định của pháp luật.
6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK, VSDC, CGSTCQG nhận được thông tin công bố bằng văn bản.
7. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác,

ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK, VSDC, CGSTCQG theo quy định pháp luật.

9. Công ty thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, CBTT theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Người được uỷ quyền công bố thông tin

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật có quyết định bằng văn bản uỷ quyền cho ít nhất 01 người được uỷ quyền công bố thông tin (người được ủy quyền) thực hiện công bố thông tin.

2. Công ty phải đăng ký người được uỷ quyền thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi người được uỷ quyền công bố thông tin phải thông báo cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 7: Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

   a. Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;

   b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

   c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo quy chế của SGDCK;

   d. Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

   e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số hoặc một phương thức xác thực khác theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

   Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo quy định trên trang thông tin điện tử. Công ty thông báo với UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 8: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện

(trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 9: Xử lý khi nội dung công bố thông tin sai sót

Sau khi các Phòng/Ban gửi đề nghị CBTT cho Bộ phận thực hiện CBTT và Bộ phận thực hiện CBTT đã thực hiện CBTT trên hệ thống của UBCKNN và SGDCK, nếu phát hiện ra sai sót, Đơn vị nghiệp vụ thực hiện lại từ đầu quy trình tại Chương II quy chế này để đính chính thông tin đã công bố.

Điều 10: Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Đơn vị, cá nhân trong Công ty có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Bảo quản và lưu giữ thông tin

Thông tin công bố được bảo quản và lưu giữ tại Công ty dưới dạng văn bản và file dữ liệu. Người được uỷ quyền công bố thông tin lưu giữ thông tin công bố là tại bộ phận quản lý trực tiếp và Phòng hành chính nhân sự.

CHƯƠNG II

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12: Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty

Quy trình công bố thông tin nội bộ của Công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:

(Sơ đồ thể hiện ở trang sau)

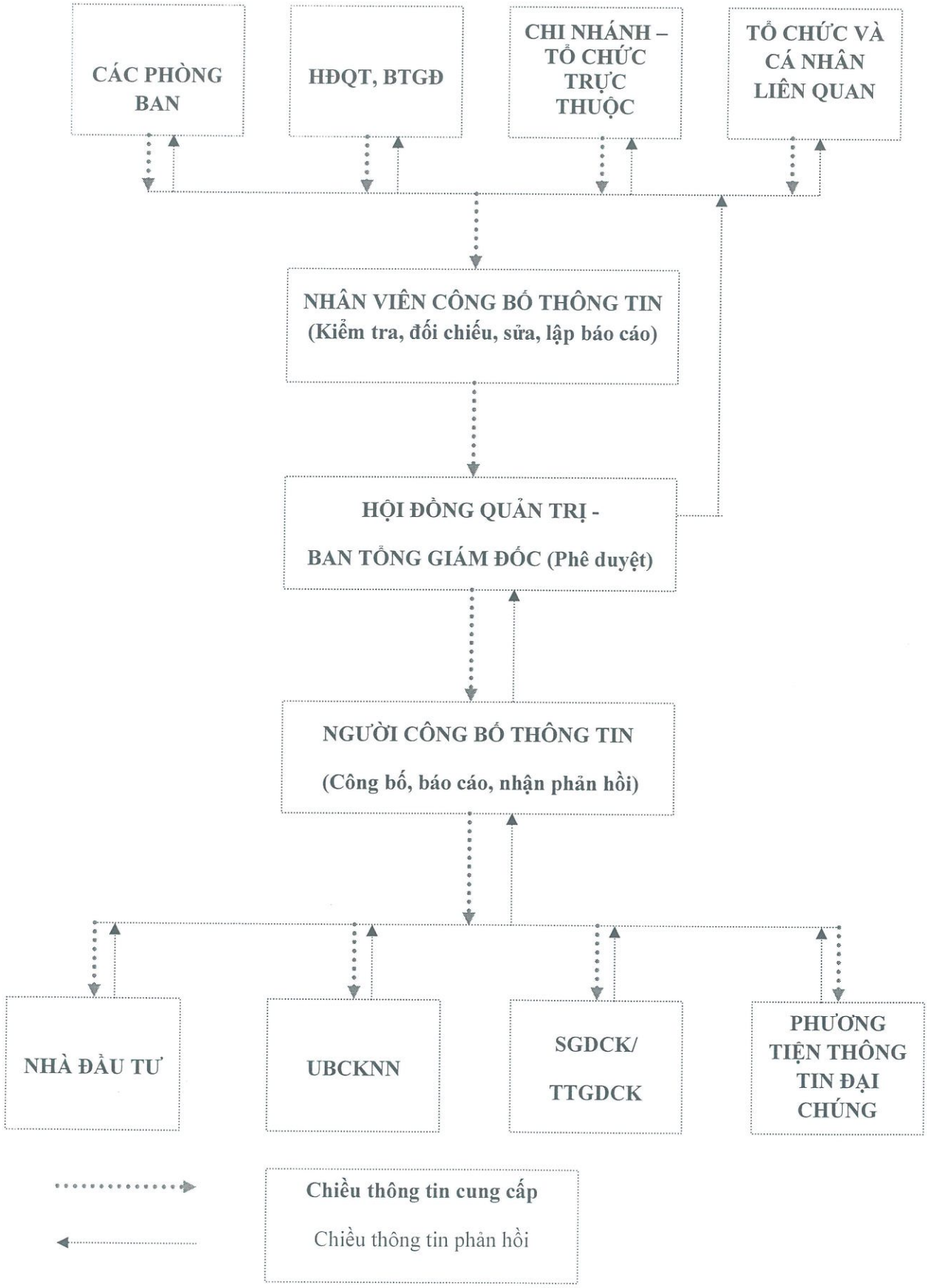

Điều 13: Diễn giải Quy trình

Bước 1: Chuẩn bị thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật hoặc có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty về việc công bố các thông tin tự nguyện, các bộ phận liên quan phải lập tức báo cáo, công bố theo nội dung quy định và cung cấp cho nhân viên công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Các Phòng/Ban tiến hành kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

Bước 3: Trình lãnh đạo phê duyệt

Các Phòng/Ban liên quan trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt báo cáo, công bố trước khi thực hiện công bố. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng, nhân viên công bố thông tin trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố thông tin.

Bước 4: Báo cáo và công bố

Nhân viên công bố thông tin thực hiện gửi thông tin cần công bố đến các đối tượng cần thiết

Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi và sàng lọc, đề xuất cho lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết (Quay lại các bước trên)

Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ như sau:

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
- Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu năm (05) năm.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đối tượng công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định, hướng dẫn của Bộ tài chính, Ủy Ban chứng khoán nhà nước trong từng thời kỳ. Bao gồm nhưng không hạn chế ở những nội dung đã được quy định trong Quy chế này, đồng thời, khi cơ quan quản lý ban hành các quy định khác trái với các quy định tại Quy chế này thì Công ty có nghĩa vụ thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 15: Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định, phù hợp với quy định hiện hành về quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Thị Thùy Linh